

BÁO CÁO**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024**

Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực công tác cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương và tổng hợp, định kỳ báo cáo Chính phủ theo quy định. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**1. Công tác chỉ đạo, quán triệt thực hiện cải cách hành chính**

- Năm 2024, cải cách hành chính (CCHC) được xác định là một trong những trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó, xác định tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước, trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, công chức, công vụ và thủ tục hành chính (TTHC); tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP¹; với chủ đề điều hành của năm là: **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững”**. Cùng với đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh², nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; rà soát, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế, đẩy mạnh cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, đổi mới quản lý; kịp thời, tháo gỡ khó khăn³, phục hồi sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động.

- Thủ tướng Chính phủ đã kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ⁴ (gọi tắt là Ban Chỉ đạo), với thành viên⁵ là các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa,

¹ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

² Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

³ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 21/4/2024 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Về triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô; Công điện số 24/CD-TTg ngày 22/3/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

⁴ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

⁵ Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 về việc phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, trong đó chỉ có thành viên của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là Thứ trưởng.

phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong CCHC. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các địa phương kiện toàn Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính cấp tỉnh, với Trưởng ban là Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố; đến nay, 63/63 địa phương đã kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính⁶. Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo⁷ làm cơ sở tổ chức các hoạt động của Ban Chỉ đạo một cách thống nhất, hiệu quả; ban hành Kế hoạch hoạt động⁸ năm 2024 với **64** nhóm nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể, gắn với trách nhiệm triển khai của từng thành viên Ban Chỉ đạo và các bộ, ngành, địa phương.

- Trong năm 2024, Ban Chỉ đạo đã tổ chức 02 Phiên họp trực tuyến với 63 địa phương do Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì, qua đó kịp thời đánh giá tình hình, kết quả triển khai công tác CCHC của cả nước, kịp thời chỉ đạo và quyết định nhiều vấn đề quan trọng cho triển khai CCHC. Giao nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khẩn trương rà soát, xác định rõ những điểm nghẽn đang cản trở hoạt động CCHC, đề xuất các giải pháp cụ thể để tháo gỡ; ưu tiên giải quyết ngay những vấn đề nóng, cấp bách, khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp.

MỘT SỐ CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ- TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO⁹



- Các bộ, ngành, địa phương đã chủ động triển khai kế hoạch CCHC năm 2024 của mình và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, đã ban hành tổng số **4.673** văn bản đề chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt thực hiện có hiệu quả các nhiệm

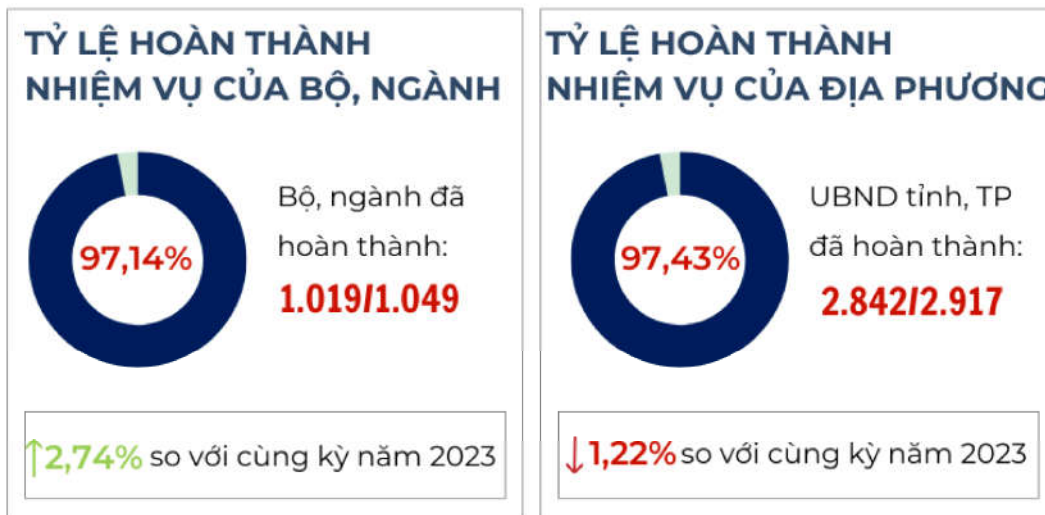
⁶ 62/63 địa phương có Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC là Chủ tịch UBND cấp tỉnh; riêng tỉnh Nghệ An, Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh là Bí thư tỉnh ủy.

⁷ Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024

⁸ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024

⁹ Tại Thông báo số 363/TB-VPCP ngày 06/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo Kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Phiên họp thứ tám ngày 15 tháng 7 năm 2024.

vụ CCHC; trong đó, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành **468** văn bản, các địa phương đã ban hành **4.205** văn bản. Theo kết quả thống kê, trong năm 2024, các bộ, cơ quan ngang bộ đã đề ra **1.049** nhiệm vụ; UBND các tỉnh, thành phố đã đề ra **2.917** nhiệm vụ. Đến nay, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành **1.019/1.049** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **97,14%** so với kế hoạch, cao hơn **2,74%** so với cùng kỳ năm 2023; UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành **2.842/2.917** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **97,43%** so với kế hoạch đề ra, thấp hơn **1,22%** so với cùng kỳ năm 2023.



- Thực hiện vai trò vai trò cơ quan thường trực CCHC của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã đẩy mạnh công tác theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác CCHC; kịp thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất và trực tiếp giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị có nội dung liên quan đến công tác CCHC, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Đến nay, Văn phòng Ban Chỉ đạo đã tiếp nhận **144** đề xuất, kiến nghị của các bộ, các tỉnh (trong đó có **47** kiến nghị được tổng hợp qua công tác theo dõi, kiểm tra, báo cáo CCHC của các bộ, ngành, địa phương và **97** kiến nghị được tiếp nhận trên website caicachhanhchinh.gov.vn), trên cơ sở đó đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, trả lời, giải đáp, tháo gỡ **144/144** đề xuất, kiến nghị, đạt tỷ lệ **100%**. Bộ Nội vụ đã tích cực, chủ động phối hợp với Công đoàn viên chức Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) thực hiện CCHC của các bộ, ngành, địa phương thông qua các hoạt động tập huấn nghiệp vụ cho lãnh đạo, công chức thực hiện CCHC, và cán bộ công đoàn các cấp¹⁰.

- Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ

¹⁰Bộ Nội vụ đã phối hợp với Công đoàn viên chức Việt Nam tổ chức 02 Hội nghị tập huấn CCHC cho cán bộ của Công đoàn viên chức các bộ, ngành, địa phương, gồm: Hội nghị được tổ chức tại tỉnh Lâm Đồng từ ngày 11 - 13/9/2024 và tại Hà Nội từ ngày 21 - 23/11/2024.

quan có liên quan triển khai đo lường, xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2023; tổ chức triển khai xác định Chỉ số CCHC (PAR Index) năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ (gọi tắt là bộ) và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh). Đã thay mặt Ban Chỉ đạo phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị công bố các chỉ số này vào ngày 17/4/2024. Kết quả các chỉ số cho thấy, giá trị trung bình Chỉ số SIPAS của 63 địa phương năm 2023 là **82.66%** tăng **2,58%** so với năm 2022 (năm 2022 đạt 80,08%); giá trị trung bình của Chỉ số PAR Index năm 2023 của 17 bộ là **84.38%** tăng **0.33%** so với năm 2022 (năm 2022 đạt 84.05%); giá trị trung bình Chỉ số PAR Index năm 2023 của các tỉnh là **86.98%** tăng **2.19%** so với năm 2022 (năm 2022 đạt 84.79%). Trên cơ sở kết quả Chỉ số SIPAS 2023, Chỉ số PAR Index 2023, hầu hết các bộ, địa phương đã tổ chức phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số SIPAS 2023 và Chỉ số PAR Index 2023 của mình để xác định rõ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, gắn trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị; đồng thời, đề ra các biện pháp cụ thể để khắc phục hạn chế, bất cập đã chỉ ra trong các chỉ số, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC của bộ, tỉnh. Trong đó, Bộ Nội vụ đã tích cực kiểm tra, hỗ trợ các địa phương trong phân tích, đánh giá, sử dụng hiệu quả các chỉ số trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý CCHC. Hiện nay, Bộ Nội vụ đã ban hành Đề án xác định Chỉ số PAR Index¹¹ của các bộ, các tỉnh giai đoạn 2024 - 2030, đang triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số PAR Index năm 2024 của các bộ, các tỉnh¹² và Kế hoạch đo lường, xác định Chỉ số SIPAS năm 2024 với nhiều đổi mới, thích ứng với tình hình thực tiễn.

KẾT QUẢ CHỈ SỐ SIPAS 2023 - CHỈ SỐ PAR INDEX 2023



¹¹ Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024 - 2030”.

¹² Quyết định số 673/QĐ-BNV ngày 26/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2022 - 2030 và triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Công tác tuyên truyền, kiểm tra CCHC

- Về công tác tuyên truyền:

Trong năm 2024, công tác thông tin, tuyên truyền CCHC tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, đẩy mạnh triển khai, tạo sự thống nhất về nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động của các cơ quan, đơn vị và từng CBCCVC trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC của bộ, ngành, địa phương; đồng thời, tạo sự đồng thuận, ủng hộ, hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp đối với các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước và chính quyền các cấp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động đổi mới hình thức thông tin, tuyên truyền đa dạng, nội dung phong phú, sáng tạo, tận dụng sức mạnh của các mạng xã hội (zalo, facebook, youtube,...) để tổ chức thông tin, tuyên truyền về CCHC, qua đó giúp đa dạng hóa, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; kịp thời truyền tải những định hướng, chỉ đạo mới và kết quả nổi bật về CCHC trong từng lĩnh vực, nhất là các kết quả nổi bật về cải cách TTHC, chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp; các cơ chế, chính sách, giúp tháo gỡ những khó khăn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh. Bộ Nội vụ đã phối hợp với Công đoàn Viên chức Việt Nam tổ chức thành công Hội thi giới thiệu mô hình và thuyết trình ý tưởng CCHC trong đội ngũ công đoàn viên chức ở trung ương và địa phương¹³ dưới hình thức sân khấu hóa. Đài Truyền hình Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền CCHC, theo đó, trong năm 2024 đã thực hiện hơn 30 phóng sự chuyên đề CCHC để tuyên truyền, lan tỏa những cách làm hay, mô hình mới và những gương sáng điển hình trong quá trình thực hiện cải cách tại bộ, ngành, địa phương. Một số phóng sự đáng chú ý, thu hút sự quan tâm, theo dõi của đông đảo người dân, doanh nghiệp, như: Công đoàn viên chức với CCHC; “5 đẩy mạnh” trong CCHC để huy động mọi nguồn lực cho phát triển; Cấp mới "sổ đỏ" trong 1 ngày, đột phá trong CCHC; Xây dựng tư duy hành chính phục vụ; CCHC dưới tác động của chuyển đổi số; Cải cách khắc phục lỗ hổng thương mại; Tăng tốc số hóa phục vụ doanh nghiệp; Chuyển đổi số vùng sâu vùng xa,... Theo thống kê¹⁴, trong năm 2024, các địa phương đã thực hiện hơn **34.000** phóng sự, tin bài chuyên đề thông tin, tuyên truyền về CCHC; tổ chức hơn **100** hội nghị, tọa đàm và **28** cuộc thi tìm hiểu về CCHC.

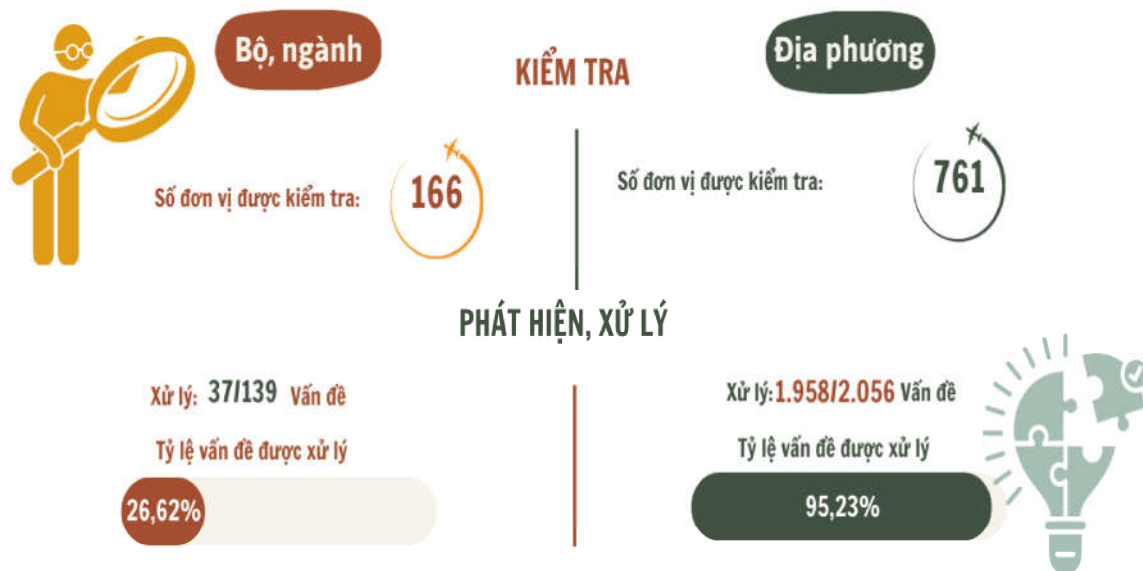
¹³ Chung kết cuộc thi được tổ chức dưới hình thức sân khấu hóa tại Hà Nội ngày 01/11/2024.

¹⁴ Theo dữ liệu thống kê, báo cáo của các địa phương trên Hệ thống thông tin báo cáo định kỳ của Bộ Nội vụ, tính đến ngày 21/12/2024.

- Về công tác kiểm tra CCHC:

Triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2024 của Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ¹⁵, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tiến hành kiểm tra, làm việc về CCHC tại một số địa phương, gồm: Hải Dương, Đồng Nai, Phú Yên, Hòa Bình, Tiền Giang,... Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức các đoàn thanh tra trách nhiệm về thực hiện công vụ của CBCCVC trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại 06 Bộ và 03 địa phương¹⁶. Qua đó đã đánh giá, làm rõ kết quả triển khai công tác CCHC; kịp thời phát hiện, xử lý, chỉ đạo xử lý và kiến nghị xử lý đối với các vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, thanh tra; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Các bộ, ngành đã tiến hành kiểm tra tại **166** cơ quan, đơn vị trực thuộc; qua đó, kịp thời xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **37/139** vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **26,62%**. Các địa phương đã tiến hành kiểm tra tại **761** cơ quan, đơn vị; qua đó, kịp thời xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **1.958/2.056** nhóm vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **95,23%**.

KẾT QUẢ KIỂM TRA CCHC NĂM 2024



¹⁵ Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

¹⁶ Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải; các địa phương: Bắc Ninh, Đồng Nai và thành phố Đà Nẵng.



Điểm nổi bật trong cải cách thể chế năm 2024



Chính phủ
tổ chức **11** phiên
họp chuyên đề về
xây dựng pháp luật

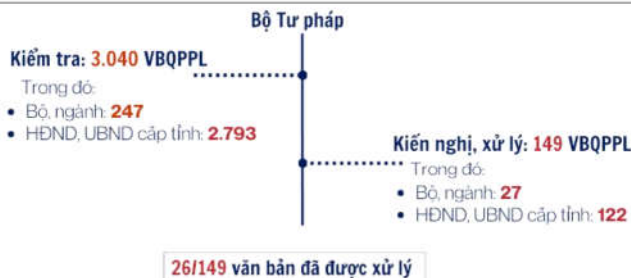
Công tác ban hành Luật, Nghị Định, Thông tư



Công tác ban hành VBQPPL của tỉnh, TP



Công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL



Công tác tự kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL



đạo, định hướng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xây dựng pháp luật¹⁹, kịp

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật: Thể chế được xác định là một trong ba đột phá chiến lược¹⁷ để xây dựng, phát triển đất nước, đưa đất nước vào kỷ nguyên vươn mình; Quốc hội, Chính phủ xác định điểm nghẽn thể chế là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn” cần khai thông. Theo đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, kịp thời tháo gỡ những “điểm nghẽn”, khó khăn, vướng mắc phát sinh, tạo đồng thuận trong cả hệ thống chính trị và người dân, doanh nghiệp. Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ¹⁸ tháng 7/2024 xác định “tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh CCHC, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh” là một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ. Từ đầu năm 2024 đến nay, Chính phủ tổ chức **11** phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, qua đó kịp thời chỉ

¹⁷ Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định ba đột phá chiến lược gồm: Hoàn thiện đồng bộ thể chế; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

¹⁸ Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 7 năm 2024

¹⁹ Nghị quyết số 118/NQ-CP ngày 03/8/2024 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 01/9/2024 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2024.

thời chỉ đạo các bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng các luật, các dự án văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã có trong chương trình, kế hoạch của Quốc hội và Chính phủ, kiên quyết khắc phục tình trạng nợ ban hành văn bản; ưu tiên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để tháo gỡ vướng mắc, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL. Trong năm 2024²⁰, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua **29** luật, tăng **13** Luật so với năm 2023; các bộ, ngành đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành **155** Nghị định, tăng **65** Nghị định so với năm 2023 và ban hành theo thẩm quyền **496** Thông tư, tương đương số thông tư ban hành trong năm 2023²¹ (năm 2023, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua **16** Luật, các bộ, ngành đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành **90** Nghị định và ban hành theo thẩm quyền **496** Thông tư); HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành **4.462** VBQPPL, tăng **1.035** VBQPPL so với năm 2023; HĐND và UBND cấp huyện đã ban hành **1.547** VBQPPL, giảm **551** VBQPPL so với năm 2023 (năm 2023, HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành **3.427** VBQPPL; HĐND và UBND cấp huyện đã ban hành **2.098** VBQPPL), qua đó tiếp tục hoàn thiện thể chế của nền hành chính, kịp thời thích ứng, điều chỉnh hiệu quả các mối quan hệ kinh tế - xã hội.

- Công tác tổ chức, theo dõi thi hành pháp luật: Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024²², theo đó xác định 03 lĩnh vực trọng tâm, tiên là: (i) An toàn thực phẩm; (ii) quản lý thuế; (iii) xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm. Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 08/2024/TT-BTP ngày 15/8/2024 quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trực tiếp thực hiện kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh²³; tiến hành kiểm tra qua báo cáo, hồ sơ, tài liệu kèm theo báo cáo và không thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tại các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Hải Dương, Thái Bình²⁴; tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành để trao đổi, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thi hành

²⁰ Tính đến ngày 20/12/2024.

²¹ Tính đến ngày 30/12/2023.

²² Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 22/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024.

²³ Tập trung theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, về: (i) an toàn thực phẩm; (ii) quản lý thuế; (iii) xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

²⁴ Công văn số 6458/BTP-ĐCTLN ngày 11/11/2024 của Bộ Tư pháp về việc thay đổi hình thức kiểm tra thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024, từ kiểm tra trực tiếp tại địa phương sang kiểm tra qua Báo cáo, hồ sơ, tài liệu kèm theo Báo cáo và không thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát tại địa phương.

pháp luật ở địa phương²⁵; theo đó, góp phần từng bước đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật.

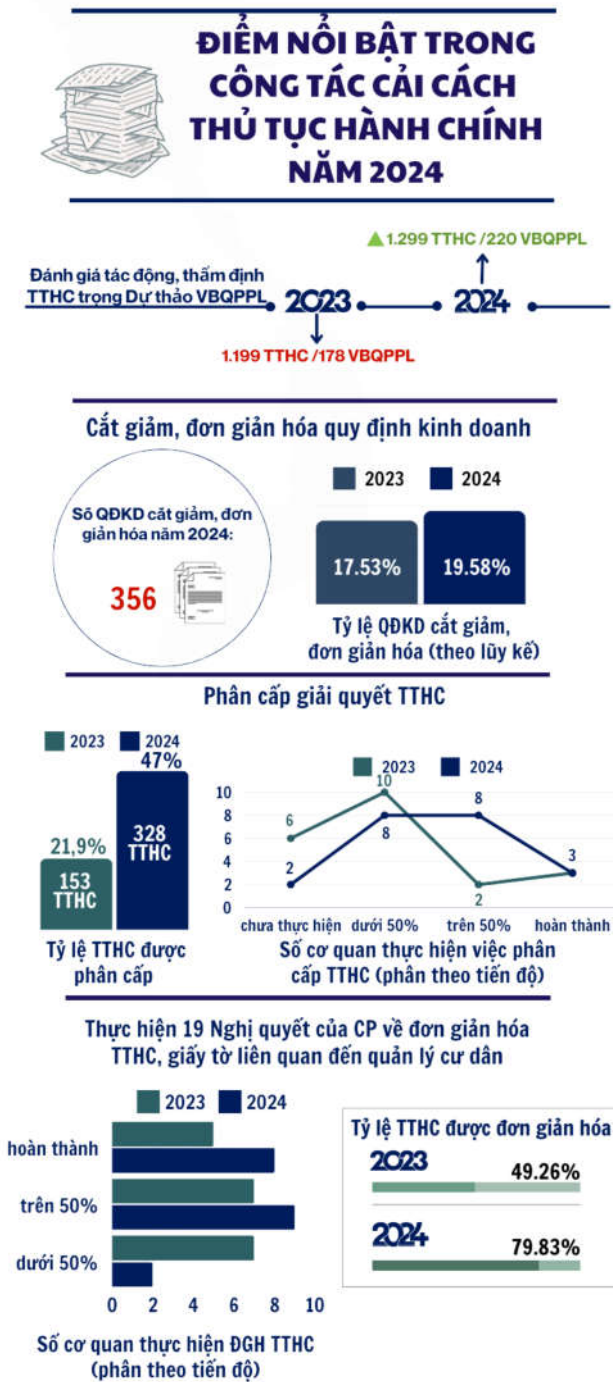
- Về kiểm tra, rà soát VBQPPL: Trong năm 2024²⁶, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận để kiểm tra theo thẩm quyền đối với **3.040** VBQPPL, trong đó có **247** văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ và **2.793** văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh; kiểm tra và kết luận, kiến nghị xử lý đối với **149** văn bản có quy định trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung, trong đó có **27** văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ và **122** văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh²⁷; đến nay, có **26/149** văn bản đã được cơ quan ban hành xử lý. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quan tâm triển khai công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL để kịp thời phát hiện những nội dung chồng chéo, mâu thuẫn hoặc trái quy định pháp luật. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát, trong năm 2024, các bộ, ngành đã tổng hợp được **1.297** VBQPPL cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc công bố hết hiệu lực), tăng **553** văn bản so với năm 2023, đến nay đã xử lý xong **1.162/1.297** văn bản, đạt tỷ lệ **89,59%**, giảm **2,66%** so với năm 2023; trong đó, số VBQPPL có kiến nghị xử lý qua kiểm tra đã được xử lý xong là **135/152** văn bản, đạt tỷ lệ **88,82%**, giảm **10,74%** so với năm 2023; số VBQPPL có kiến nghị xử lý qua rà soát đã được xử lý xong là **1.027/1.145** văn bản, đạt tỷ lệ **89,69%**, giảm **0,45%** so với năm 2023.

Tại địa phương, trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát đã tổng hợp được **3.849** VBQPPL cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc công bố hết hiệu lực), tăng **1.094** văn bản so với năm 2023, đến nay đã xử lý xong **3.236/3.849** văn bản, đạt tỷ lệ **84,07%**, giảm **2,61%** so với năm 2023; trong đó, số VBQPPL có kiến nghị xử lý qua kiểm tra đã được xử lý xong là **161/173** văn bản, đạt tỷ lệ **93,06%**, tăng **2,36%** so với năm 2023; số VBQPPL có kiến nghị xử lý qua rà soát đã được xử lý xong là **3.075/3.676** văn bản, đạt tỷ lệ **83,65%**, giảm **2,67%** so với năm 2023. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương đã kịp thời tham mưu, chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các VBQPPL có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, trái quy định pháp luật sau khi được kiểm tra, rà soát; ban hành quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành toàn bộ hoặc một phần.

²⁵Như: (i) Tổ chức Hội thảo về “*Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật*” tại Thành phố Hà Nội; (ii) Tổ chức 02 Hội thảo về “*Triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật*” tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội, (iii) 05 cuộc tọa đàm về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Khánh Hoà.

²⁶ Báo cáo số 524/BC-BTP ngày 19/12/2024 của Bộ Tư pháp về kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách hành chính năm 2025.

²⁷ Trong đó có kết quả kiểm tra văn bản do các bộ cơ quan ngang bộ và chính quyền cấp tỉnh ban hành theo 03 chuyên đề, gồm: (1) Kiểm tra chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2015 - 2023; (2) Kiểm tra chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023; (3) Kiểm tra chuyên đề về các văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính trái thẩm quyền²⁷, qua đó gắn kết công tác kiểm tra văn bản của Chính phủ với công tác giám sát của Quốc hội, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi các quy định của pháp luật.



2. Cải cách TTHC

Trong năm 2024, cải cách TTHC được Quốc hội²⁸, Chính phủ²⁹, Thủ tướng Chính phủ³⁰ đặc biệt quan tâm, chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện rất quyết liệt; Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ³¹ đã tích cực hoạt động, đưa ra nhiều giải pháp thúc đẩy các bộ, ngành, địa phương triển khai có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ về cải cách TTHC. Theo tổng hợp từ báo cáo của Văn phòng Chính phủ³² và Cổng dịch vụ công quốc gia, một số kết quả chủ yếu đạt được như sau:

- Về rà soát, đơn giản hóa quy định TTHC và các điều kiện kinh doanh: Tổng số quy định kinh doanh (QĐKD) được cắt giảm, đơn giản hóa từ đầu năm 2024 đến nay là **356 QĐKD**³³ tại **31 VBQPPL**³⁴; lũy kế từ năm 2021 đến nay, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **3.131 QĐKD** (gồm: 1.694 TTHC, 203 yêu cầu điều kiện, 101 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành) tại **272 VBQPPL**³⁵ trên tổng số **15.801 QĐKD** được cập nhật, công khai trên Cổng Tham vấn và tra cứu

²⁸ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

²⁹ Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 01/9/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8 năm 2024.

³⁰ Công điện số 131/CD-TTg ngày 11/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ Về việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

³¹ Quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 06/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

³² Báo cáo số 8967/BC-VPKP ngày 05/12/2024 của Văn phòng Chính phủ về Tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 11 năm 2024.

³³ Gồm: 309 TTHC, 33 yêu cầu điều kiện, 14 chế độ báo cáo.

³⁴ Gồm: 02 Luật, 06 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

³⁵ Gồm: 16 Luật, 74 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 176 Thông tư, thông tư liên tịch và 02 văn bản khác

quy định kinh doanh, đạt **19,8%**, tăng **2,27%** so với năm 2023 (lũy kế đến năm 2023 đạt **17,53%**³⁶). Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, đến nay, tổng số TTHC nội bộ được các bộ, ngành công bố là **1.848** TTHC.

- Về đánh giá tác động TTHC tại dự thảo VBQPPL: Tính từ đầu năm 2024 đến nay, có **1.299** TTHC tại **220** dự thảo VBQPPL được đánh giá tác động, tăng cả về số lượng TTHC và số lượng VBQPPL so với năm 2023 (năm 2023 có **1.199** TTHC tại **178** dự thảo VBQPPL được đánh giá tác động).

- Về phân cấp trong giải quyết TTHC: Tổng số TTHC đã được các bộ, ngành phân cấp từ đầu năm 2024 đến nay là **172** TTHC tại **32** VBQPPL³⁷, tăng **86** TTHC so với năm 2023 (năm 2023 các bộ, ngành phân cấp **86** TTHC tại **26** VBQPPL³⁸). Lũy kế từ năm 2022 đến nay, đã có 19/21 bộ, cơ quan thực hiện phân cấp **328/699** TTHC tại **65** VBQPPL³⁹, đạt **47%**, tăng **25,1%** so với năm 2023 (đến năm 2023 đạt **153/699** TTHC, đạt **21,9%**⁴⁰). Trong đó, 03 cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100%⁴¹, 08 bộ đạt từ 50% trở lên⁴², 08 bộ đạt dưới⁴³ 50%, 02 bộ chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt⁴⁴. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là 371 TTHC.

- Thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư: Tổng số TTHC được đơn giản hóa từ đầu năm 2024 đến nay là **286** TTHC tại **31** VBQPPL⁴⁵, tăng **139** TTHC so với năm 2023 (năm 2023 đạt **147** TTHC). Lũy kế đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **867/1.086** TTHC được giao tại 19 Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, đạt **79,83%**, tăng **30,57%** so với năm 2023 (đến năm 2023 các bộ, ngành đã đạt tỷ lệ đơn giản hóa **49,26%**); có **08** bộ, cơ quan⁴⁶ hoàn thành 100%, **09** bộ, cơ quan đạt trên 50%⁴⁷, **02** bộ đạt dưới 50%⁴⁸. Còn **217** TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 15

³⁶ Mục tiêu tại Nghị quyết số 68/NQ-CP: Từ năm 2020 - 2025, cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020.

³⁷ Gồm: 01 Luật, 16 Nghị định và 15 Thông tư.

³⁸ Gồm: 15 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 09 Thông tư.

³⁹ Gồm: 02 Luật, 28 Nghị định, 03 Quyết định của TTgCP, 32 Thông tư.

⁴⁰ Ngoài nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế đã chủ động phân cấp thêm 03 TTHC, nâng tổng số TTHC được phân cấp là 156 TTHC.

⁴¹ Gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Chính phủ; Ủy ban dân tộc.

⁴² Gồm các bộ: Nội vụ; Giao thông vận tải; Quốc phòng; Kế hoạch và Đầu tư; Công an; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng.

⁴³ Gồm các bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Tài chính; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Tư pháp.

⁴⁴ Gồm các bộ: Khoa học và Công nghệ; Ngoại giao.

⁴⁵ Gồm: 10 Nghị định và 21 Thông tư.

⁴⁶ 08 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

⁴⁷ 09 bộ, ngành gồm: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng.

⁴⁸ 02 bộ gồm: Tài chính và Tư pháp

Nghị định, 10 Thông tư liên tịch, 16 Thông tư.

- Về công bố, công khai TTHC: Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 22/12/2024, các bộ, ngành, địa phương đã rà soát, ban hành **6.724** quyết định công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý⁴⁹; đồng thời, công khai, cập nhật danh mục và nội dung TTHC thuộc phạm vi quản lý trên Cổng dịch vụ công quốc gia và các kênh thông tin khác theo quy định. Tại thời điểm ngày 22/12/2024, cả nước có 6.273 TTHC, trong đó 3.744 TTHC thực hiện tại bộ, cơ quan Trung ương, 1.256 TTHC thực hiện tại địa phương và 1.728 TTHC ngành dọc tại địa phương.

- Về vận hành Cổng dịch vụ công quốc gia⁵⁰: Các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường chỉ đạo thực hiện đầy mạnh rà soát, cấu trúc lại quy trình TTHC để tích hợp vào Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối, thanh toán trực tuyến nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tính đến ngày 22/12/2024, đã có **4.479** TTHC cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (**2.678** thủ tục của người dân, **2.434** thủ tục của doanh nghiệp), trong đó có nhiều dịch vụ công được người dân, doanh nghiệp quan tâm như: Đăng ký cấp biển số xe lần đầu; Đăng ký tạm trú; Xác nhận thông tin cư trú; Cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước (thực hiện tại cấp tỉnh); Đăng ký thành lập hộ kinh doanh,... Theo thống kê, đến ngày 22/12/2024, đã có trên **393,10** triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái và có hơn **60,55** triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức đánh giá, xây dựng Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp tại địa phương trình Thủ tướng Chính phủ⁵¹, theo đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao⁵², trên cơ sở hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ⁵³, các địa phương: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Bắc Ninh đã xây dựng đề án thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan hành chính có chức năng tiếp nhận, giải quyết và kiểm soát, theo dõi, đánh giá thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường các giải pháp đổi mới tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp gắn với đẩy mạnh ứng

⁴⁹ Số liệu thống kê từ Cổng dịch vụ công quốc gia.

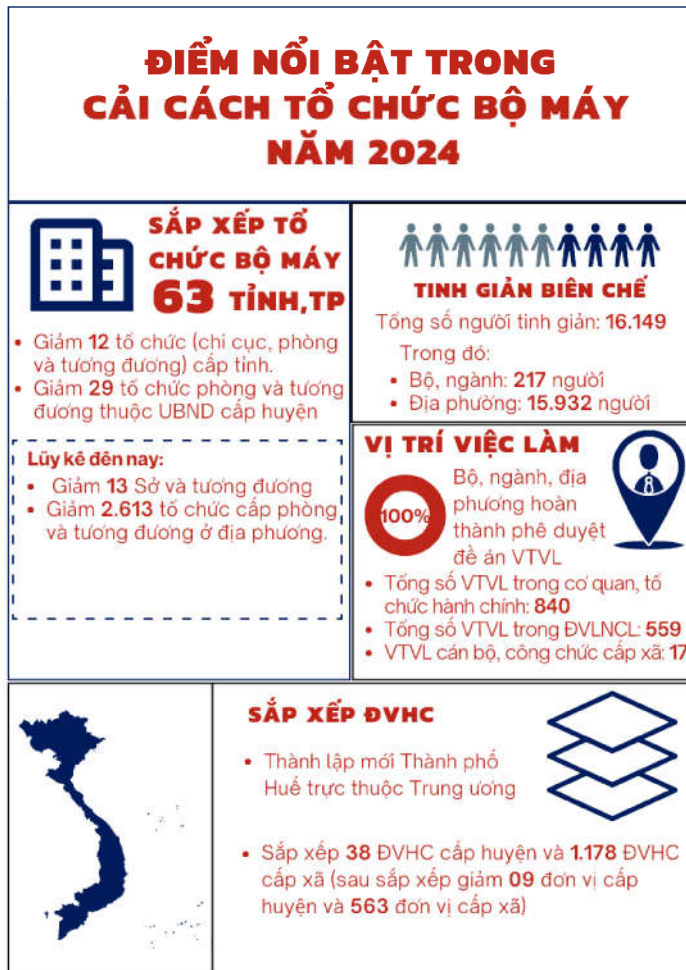
⁵⁰ Số liệu thống kê từ Cổng dịch vụ công quốc gia.

⁵¹ Báo cáo số 6358/BC-BNV ngày 08/10/2024 của Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp tại địa phương.

⁵² Tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2024 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương; Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2024 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

⁵³ Văn phòng Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Công văn số 5343/VPCP-KSTT ngày 27/7/2024).

dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, nâng cấp phần mềm ứng dụng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp, nhằm kịp thời phát hiện, xử lý những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC. Theo báo cáo, thống kê kết quả giải quyết hồ sơ TTHC có tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn tiếp tục duy trì ở mức cao, bình quân cả nước đạt 98,79%; trong đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các bộ, cơ quan Trung ương đạt 97,76%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt 99,19%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của UBND cấp huyện đạt 98,7%, UBND cấp xã đạt 99,52%.



3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Về xây dựng, hoàn thiện thể chế và chỉ đạo đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Trong năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (Nghị quyết

số 18-NQ/TW). Theo đó, Chính phủ đã ban hành các văn bản để hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước, như: Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung

một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Chính phủ ban hành Nghị định 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh⁵⁴. Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các VBQPPL để hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm tiến độ, như: **01** hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); trình Quốc hội thông qua Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương; **01** Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị của thành phố Hải Phòng; **51** Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã của 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; **02** dự thảo Nghị định của Chính phủ⁵⁵.

- Đề chỉ đạo triển khai đồng bộ **02** nhiệm vụ: (i) Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và (ii) tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW⁵⁶ trên cơ sở tổ chức lại Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ⁵⁷.

- Thực hiện Kế hoạch của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW⁵⁸, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, đặc biệt là các cơ quan thuộc diện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo định hướng của Trung ương khẩn trương xây dựng đề án, văn bản quy định liên quan đến sắp xếp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, báo cáo Ban Chỉ đạo Chính phủ cho ý kiến và báo cáo Bộ Chính trị trước ngày 31/12/2024; chủ động, kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương; tích cực đề xuất cơ

⁵⁴ Theo đó, Chính phủ thí điểm phân cấp cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) một số lĩnh vực sau: (1) Quản lý nhà nước về đầu tư; (2) Quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, ngân sách nhà nước; (3) Quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, tài nguyên và môi trường; (4) Quản lý nhà nước về giao thông vận tải; (5) Quản lý nhà nước về y tế; (6) Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; (7) Quản lý nhà nước về lao động, giáo dục nghề nghiệp; (8) Quản lý nhà nước về nội vụ.

⁵⁵ Trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của UBND phường của thành phố Hà Nội và Nghị định quy định về tổ chức chính quyền đô thị thành phố Đà Nẵng (hiện nay 02 Nghị định đang được lấy ý kiến thành viên Chính phủ).

⁵⁶ Quyết định số 1403/QĐ-TTg ngày 16/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁵⁷ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 796/QĐ-TTg ngày 05/8/2024 và Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 25/10/2024.

⁵⁸ Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

chế, chính sách vượt trội, đủ mạnh đối với CBCCVC và người lao động làm cơ sở để thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; đến nay đã cơ bản hoàn thành các đề án để báo cáo Chính phủ trình Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương. Trong năm 2024, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước các cấp⁵⁹ tại **63** tỉnh, thành phố đã tiếp tục giảm **12** tổ chức chi cục, phòng và tương đương của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm **29** tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện; lũy kế đến nay, đã giảm **13** Sở và tương đương, **2.613** tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương.

- Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện sắp xếp, thu gọn đầu mối tổ chức, tinh giản biên chế, đẩy mạnh tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Về quản lý và tinh giản biên chế và xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm: Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức của bộ, ngành, địa phương⁶⁰ theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là **16.149** người (trong đó, bộ, ngành là **217** người, địa phương là **15.932** người). Các bộ, ngành, địa phương về cơ bản đã sử dụng đúng số biên chế được giao, không vượt quá số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm (VTVL). Thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ⁶¹ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực⁶², các địa phương đã tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ chức xây dựng và phê duyệt VTVL, kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định hướng dẫn về VTVL theo ngành, lĩnh vực bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt đề án VTVL, Bộ Nội vụ đã tổng hợp kết quả phê duyệt VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNC) với tổng số

⁵⁹ Số liệu thống kê tính đến ngày 30/10/2024.

⁶⁰ Số liệu thống kê tính đến ngày 30/10/2024

⁶¹ 02 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn: (1) VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong CQ, TCHC và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNC; (2) Xác định cơ cấu ngạch công chức.

⁶² 20 Thông tư của 20 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 17 Thông tư của 15 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNC.

⁶³ Danh mục VTVL trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực gồm:

- VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính: Tổng số: 840 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 122 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 656 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 40 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 22 vị trí.

- VTVL trong cơ quan thuộc Chính phủ: VTVL lãnh đạo, quản lý: 31 vị trí; trong đó: VTVL đã quy định tại Thông tư: 10 vị trí; VTVL áp dụng chức danh, chức vụ tương đương: 21 vị trí. VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và VTVL hỗ trợ, phục vụ thì áp dụng các VTVL theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- VTVL trong ĐVSNC: Tổng số: 559 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 110 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 392 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 30 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 27 vị trí.

VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính là **840** vị trí; tổng số VTVL trong ĐVLNCL là **559** vị trí; VTVL cán bộ, công chức cấp xã là **17** vị trí.

- Về cải cách tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương: Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045⁶⁴.

Điểm nổi bật trong cải cách chế độ công vụ năm 2024



Hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng CBCCVC

- Đã ban hành **03** Nghị định; **04** Thông tư và **04** Văn bản hợp nhất.
- Bộ Nội vụ** đang hoàn thiện **04** dự thảo Nghị định, **01** dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, **02** Thông tư.



Tuyển dụng

Bộ ngành:	Địa phương:	Cả nước:
3.740 CCVC	35.541 CCVC	39.218 CCVC

- Tuyển dụng theo nghị định 140/2017/NĐ-CP:

170 Sinh viên xuất sắc	50 cán bộ khoa học trẻ	Cả nước: 230 CCVC
------------------------	------------------------	-------------------



Đào tạo

Bộ ngành:	Địa phương:	Cả nước:
26.536 CBCCVC	615.513 CBCCVC	642.049 CBCCVC



Chế độ, chính sách

Về chính sách tiền lương

- Điều chỉnh lương cơ sở tăng **30%**: 1.800.000 → 2.340.000 đồng/tháng
- Bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng 10% tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị.

Triển khai thực hiện Kết luận số 48- KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 51/51 Đề án của các địa phương⁶⁵ thuộc diện sắp xếp. Kết quả thực hiện đến nay đã thành lập mới Thành phố Huế trực thuộc Trung ương; sắp xếp **38** ĐVHC cấp huyện và **1.178** ĐVHC cấp xã, sau sắp xếp giảm **09** đơn vị cấp huyện và **563** đơn vị cấp xã; đồng thời thành lập mới, nâng cấp **137** đơn vị hành chính đô thị để thúc đẩy tốc độ đô thị hóa, phấn đấu đến năm 2025 có **45%** ĐVHC đô thị theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức viên chức: Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã tham mưu, xây dựng trình Chính phủ ban hành

- VTVL cán bộ, công chức cấp xã: Tổng số 17: vị trí, trong đó: Cán bộ chuyên trách: 11 vị trí; công chức cấp xã: 06 vị trí.

⁶⁴ Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁶⁵ Gồm: Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Phú Yên, Ninh Thuận; Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Nai, Lào Cai, Khánh Hòa, Quảng Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Đắk Lắk, Gia Lai, Thừa Thiên Huế, Yên Bái, Bắc Ninh, Cà Mau, Nghệ An, Hải Dương, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Thuận, Hưng Yên, Quảng Nam, Long An, Bến Tre, Kiên Giang, Hải Phòng, Thái Nguyên, Quảng Bình, Bạc Liêu, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Định, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, An Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Đồng Tháp, TP Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Hà Nội, Quảng Ngãi, Sơn La, Hà Tĩnh, Trà Vinh và Ninh Bình.

03 Nghị định⁶⁶, ban hành theo thẩm quyền **04** Thông tư⁶⁷ và **04** Văn bản hợp nhất⁶⁸, đặc biệt đã quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý và đẩy mạnh phân cấp, cải cách TTHC trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; đang tập trung hoàn thiện **04** dự thảo Nghị định⁶⁹, **01** dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ⁷⁰, **02** Thông tư⁷¹. Qua đó, góp phần đổi mới công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, hợp lý về cơ cấu, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia trong tình hình mới. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề xuất xây dựng Luật cán bộ, công chức (sửa đổi) trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương cập nhật, làm sạch, dữ liệu về CBCCVC của cơ quan mình để kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC bảo đảm “đúng - đủ - sạch - sống” theo quy định để từng bước vận hành, khai thác có hiệu quả.

- Về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC: Trong năm 2024, các bộ, ngành và địa phương trong cả nước đã thực hiện tuyển dụng **39.218** công chức, viên chức (CCVC), trong đó có **3.879** công chức và **35.402** viên chức; các bộ, ngành

⁶⁶ (1) Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. (2) Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 1 Điều 2 Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. (3) Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

⁶⁷ (i) Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; (ii) Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng III đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức; (iii) Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; (iv) Thông tư số 09/2024/TT-BNV ngày 26/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực lưu trữ.

⁶⁸ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 08/01/2024 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức giữa Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023. (2) Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNV ngày 23/8/2024 Nghị định Quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý giữa Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 và Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024. (3) Văn bản hợp nhất số 09/VBHN ngày 16/10/2024 Nghị định quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức giữa Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 và Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024. (4) Văn bản hợp nhất số 10/VBHN ngày 17/10/2024 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức giữa Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024.

⁶⁹ Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thay thế Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015; Nghị định quy định về chế độ hỗ trợ đối với CBCCVC và người làm chuyên trách về chuyển đổi, an toàn, an ninh mạng; Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp.

⁷⁰ Quyết định thay thế Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển đội ngũ cán bộ, công, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

⁷¹ Thông tư hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của trường trong các cơ quan nhà nước, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; Thông tư ban hành Nội quy và Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

tuyển dụng **3.740** CCVC, trong đó có **561** công chức và **3.179** viên chức; các địa phương tuyển dụng **35.541** CCVC, trong đó có **3.318** công chức và **32.223** viên chức; tổ chức tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được **230** người, trong đó có **170** sinh viên xuất sắc và **60** cán bộ khoa học trẻ. Công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, có nhiều đổi mới theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với vị trí việc làm; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp, gắn với tiêu chuẩn chức danh và quy hoạch. Trong năm 2024, công tác đào tạo, bồi dưỡng được các bộ, ngành, địa phương xác định là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đáp ứng yêu cầu CCHC, cải cách công vụ, công chức gắn với chuyển đổi số quốc gia. Kết quả năm 2024 cả nước đã đào tạo, bồi dưỡng **642.049** lượt CBCCVC, trong đó bộ, ngành **26.536** lượt người⁷²; địa phương **615.513** lượt người⁷³.

- Về chính sách tiền lương: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/2/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với CBCCVC và lực lượng vũ trang. Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 hướng dẫn mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính - xã hội và hội; Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc. Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã tham mưu triển khai thực hiện 4/6 nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công, trong đó, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng - mức tăng cao nhất từ trước đến nay); bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng **10%** tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội có tác động tích cực đến nhiều nhóm đối tượng trong xã hội được dư luận đồng tình, đánh giá cao.

- Về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính: Trong năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ; đẩy mạnh thanh tra công vụ qua đó kịp thời chấn chỉnh

⁷² Trong đó: (1) Cử đi đào tạo có: 259 lượt công chức; 2.566 lượt viên chức; (2) Cử đi bồi dưỡng có: 5.885 lượt công chức; 16.826 lượt viên chức.

⁷³ Trong đó: (1) Cử đi đào tạo có: 13.300 lượt công chức; 19.776 lượt viên chức; (2) Cử đi bồi dưỡng có: 207.277 lượt công chức; 375.160 lượt viên chức.

những sai phạm, khuyết điểm trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCC nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBCCVC. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm đẩy lùi tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, năm 2024, các địa phương đã tổ chức **2.792** cuộc thanh tra, kiểm tra thuộc lĩnh vực Nội vụ (trong đó có **326** cuộc thanh tra và **2.466** cuộc kiểm tra).

Điểm nổi bật trong Cải cách tài chính công



5. Cải cách tài chính công

Về thể chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước: Quốc hội đã thông qua (1) Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính; (3) Luật Đầu tư công; (4) Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng 2%,... Chính phủ đã ban hành **23** Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **02** Quyết định và Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành theo thẩm quyền **82** Thông tư trong lĩnh vực quản lý tài chính - ngân sách nhà nước. Theo đó, thể chế, cơ chế, chính sách về quản lý tài chính - ngân sách nhà nước tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, toàn diện, nâng cao tính công khai, minh bạch và nâng cao kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; kịp thời tháo gỡ những rào cản, vướng mắc về thể chế liên quan đến đầu tư công, lãi suất, thị

trường vốn, thúc đẩy phát triển lành mạnh thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ

mô; hoàn thiện hành lang pháp lý cho công tác quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, từng bước khơi thông các nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Về quản lý, sử dụng tài sản công: Trong năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo các bộ ngành, địa phương thực hiện nghiêm công tác quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong quá trình tổ chức thực thi các nhiệm vụ, công vụ. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về quỹ phát triển đất; Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;... Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/2024/QĐ-TTg ngày 24/7/2024 về tiêu chuẩn diện tích và định mức trang thiết bị nội thất nhà ở công vụ. Bộ Tài chính tiếp tục hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa dữ liệu về tài sản công trên phần mềm Quản lý tài sản công và cập nhật đầy đủ thông tin của các loại tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, đơn vị, tổ chức để hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản công; tham mưu triển khai các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp⁷⁴; tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công⁷⁵. Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương thực hiện xử lý, sắp xếp nhà, đất của các bộ, ngành, tổng công ty và tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ thành lập; đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Trong năm 2024, Bộ Tài chính đã thực hiện **67.515** cuộc thanh tra, kiểm tra; tiến hành kiểm tra **661.930** hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan và **1.060** hồ sơ kiểm tra sau thông quan; kiến nghị xử lý tài chính **109.146** tỷ đồng (trong đó: Kiến nghị thu hồi nộp **18.224** tỷ đồng; kiến nghị xử lý tài chính khác **90.922** tỷ đồng); xử phạt vi phạm hành chính **3.464** tỷ đồng; số tiền đã thu nộp NSNN trong kỳ **13.288** tỷ đồng.

⁷⁴ Công văn số 2964/BTC-QLCS ngày 22/03/2024 của Bộ Tài chính.

⁷⁵ Công văn số 7011/BTC-QLCS ngày 05/07/2024 của Bộ Tài chính.

- Về giải ngân vốn đầu tư công: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công, Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ⁷⁶ đã xác định và đề ra nhiều giải pháp thực hiện quyết liệt để tăng tốc, bứt phá trong giải ngân vốn đầu tư công. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 8/8/2024 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương đã triển khai xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân từng tháng, quý; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; bám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, qua đó đã đạt được những kết quả cụ thể. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tính đến hết tháng 11/2024 đạt **60,43%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (thấp hơn cùng kỳ năm 2023, đạt 65,1%); trong đó Chương trình phục hồi và phát triển KTXH là **5.410,25** tỷ đồng (**đạt 87,03%** kế hoạch), CTMTQG là **17.362,1** tỷ đồng (đạt **63,78%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

- Về đổi mới đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 18/6/2024 về việc đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công; Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; kịp thời đề xuất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện; thực hiện thẩm định phương án tự chủ tài chính và giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023 - 2025.

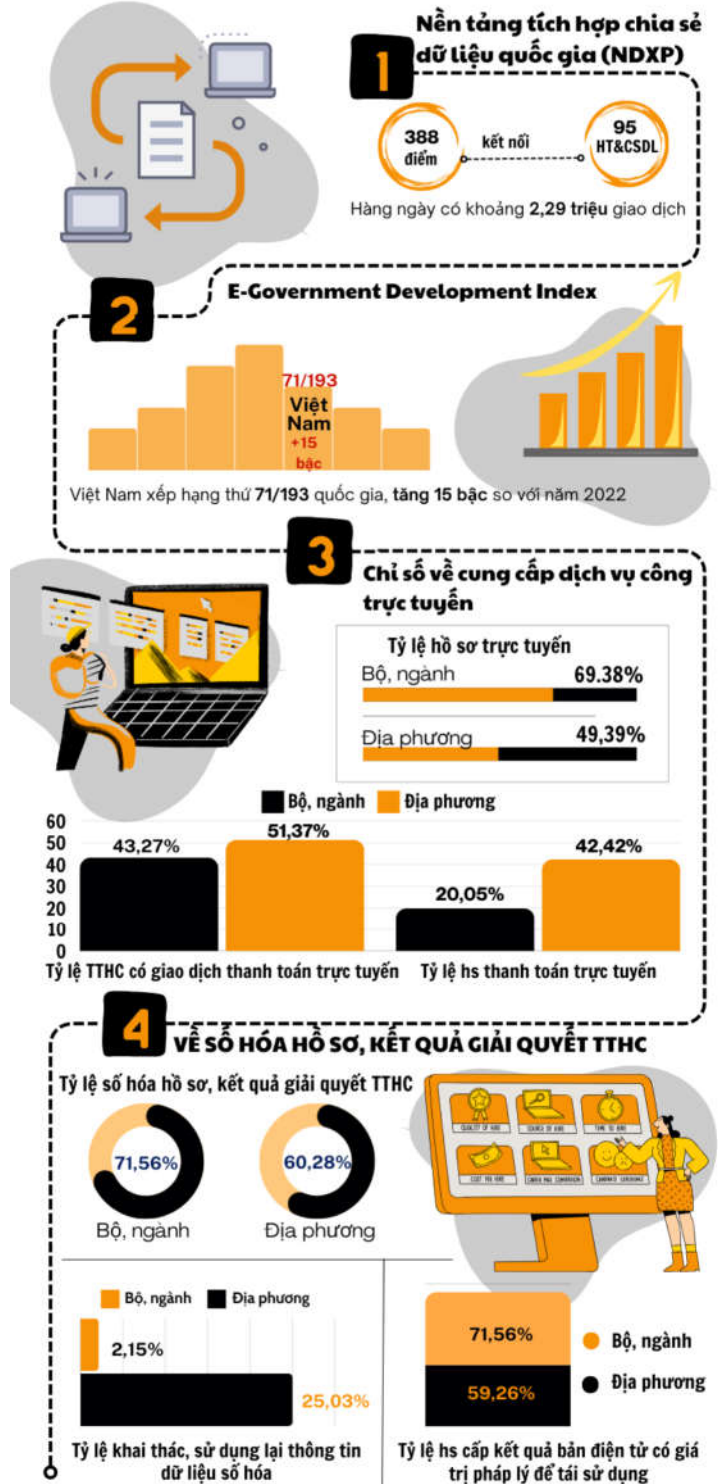
- Việc thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN): Thoái vốn nhà nước tại 05 doanh nghiệp (F1) với tổng giá trị phần vốn nhà nước là 145 tỷ đồng, thu về 157 tỷ đồng; các Tập đoàn, Tổng công ty, DNNN đã thoái vốn tại 03 doanh nghiệp (F2) với giá trị 40,9 tỷ đồng, thu về 182 tỷ đồng. Đến nay, đã có 117 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

⁷⁶ Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 01/9/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8 năm 2024.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Về hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Trong năm 2024, Quốc hội đã ban hành **02** Luật, Chính phủ ban hành **06** Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành **02** Quyết định và **01** Chỉ thị, đó là: Quốc hội đã thông qua Luật Dữ liệu, Luật Lưu trữ (sửa đổi); Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 6/9/2024 quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 quy định quản lý, cung cấp, sử

ĐIỂM NỔI BẬT TRONG XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ



dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 - 2025; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương. Theo đó, đã từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý cho xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành, giải quyết công việc, thực thi công vụ và phát triển kinh tế - xã hội.

- Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử: Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã thiết lập được **388** điểm kết nối giữa các hệ thống và cơ sở dữ liệu của **95** cơ quan, đơn vị, hàng ngày có khoảng **2,29** triệu giao dịch. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với **18** cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, cơ quan, tăng **03** đầu mối so với năm 2023. Theo Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2024 (E-Government Development Index - EGDI) của Liên hợp quốc, Việt Nam được xếp hạng ở vị trí thứ **71** trong tổng số **193** quốc gia, tăng **15** bậc so với năm 2022; lần đầu tiên được xếp vào nhóm EGDI ở mức “Rất Cao” và đạt vị trí xếp hạng cao nhất kể từ khi bắt đầu tham gia đánh giá EGDI của Liên hợp quốc năm 2003.

- Về xây dựng các hệ thống thông tin đổi mới lề lối, phương thức làm việc của cơ quan nhà nước: Theo thống kê của Văn phòng Chính phủ, từ ngày 01/01/2024 đến 20/12/2024 số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia là trên **12,2** triệu văn bản, tăng hơn **4** triệu văn bản so với năm 2023 (năm 2023 có hơn **8,2** triệu văn bản gửi, nhận trên Trục); lũy kế đến nay đã có hơn **46,5** triệu văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia, tăng hơn **18,3** triệu văn bản so với năm 2023. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet) tiếp tục phát huy hiệu quả, tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ **111** hội nghị, phiên họp của Chính phủ, tăng **25** phiên họp so với năm 2023; thực hiện xử lý **2.685** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, tăng **685** phiếu so với năm 2023, thay thế hơn **932** nghìn hồ sơ, tài liệu giấy, tăng **278** nghìn hồ sơ, tài liệu so với năm 2023.

- Về xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ⁷⁷, tại thời điểm đánh giá ngày 27/11/2024):

+ Chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành, đạt 69,38% (1.158.760/1.670.220 hồ sơ); địa phương đạt 49,39% (1.133.105/2.301.204 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 43,27% (164/379 TTHC); địa phương đạt 51,37% (748/1.456

⁷⁷ Báo cáo số 8967/BC-VPKP ngày 05/12/2024 của Văn phòng Chính phủ về tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 11 năm 2024.

TTHC). Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt 20,05% (42.046/209.672 hồ sơ); địa phương đạt 42,42% (932.863/2.199.010 hồ sơ).

+ Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt 71,56% (1.195.206/1.670.224 hồ sơ); địa phương đạt 60,28% (1.387.165 /2.301.204 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 71,56% (1.275.745 kết quả giải quyết TTHC/1.670.224 kết quả cần cấp); địa phương đạt 59,26% (1.363.693 kết quả giải quyết TTHC/2.301.204 kết quả cần cấp). Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 2,15% (35.973/1.673.162 hồ sơ); địa phương đạt 25,03% (594.167/2.373.819 hồ sơ).

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa quyết liệt, chưa quan tâm đúng mức tới cải cách hành chính; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có nơi, có lúc còn chậm, hiệu quả chưa cao. Trách nhiệm thực thi công vụ của CBCCVC ở một số nơi còn thấp, động lực làm việc không cao, tinh thần cải cách chưa mạnh mẽ.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ⁷⁸, chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp thực tiễn, chậm sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ, dẫn đến khó khăn cho tổ chức thực hiện. Vẫn còn tình trạng VBQPPL của các bộ, cơ quan ngang bộ, HĐND và UBND cấp tỉnh có quy định trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung.

- Cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC vẫn chưa đạt như kỳ vọng, người dân, doanh nghiệp vẫn mong muốn TTHC được đơn giản, thuận tiện hơn; việc thực hiện cung cấp DVCTT một số nơi còn hình thức, chưa thực chất, hiệu quả chưa cao (tỷ lệ người dân tự thực hiện DVCTT không cần sự hỗ trợ trực tiếp của công chức không cao); việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC ở một số bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, chưa bám sát quy định, hướng dẫn tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP, chưa đạt tỷ lệ số hóa mà Chính phủ, bộ ngành, địa phương đề ra, tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa thấp.

- Tình trạng chậm muộn, trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp vẫn xảy ra ở hầu hết các bộ, ngành, địa phương (tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội).

- Việc đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý điều hành và giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp của các bộ, ngành, địa phương chưa thực sự thông suốt.

- Đánh giá CBCCVC vẫn còn tình trạng nể nang, thiếu tiêu chí định lượng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo VTVL.

⁷⁸ Báo cáo số 135/BC-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ Kết quả thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Nguyên nhân

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC ở một số nơi còn chưa quyết liệt, thiếu sáng tạo, chậm đổi mới; người đứng đầu ở một số bộ, cơ quan, địa phương chưa trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC thuộc phạm vi quản lý, dẫn đến hiệu quả chưa cao.

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tham mưu thực hiện CCHC một số nơi còn hạn chế, chưa đồng đều, một số chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; một số địa phương có sự thay đổi nhân sự tham mưu thực hiện công tác CCHC theo đó chưa bắt nhịp được với yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của một số CBCCVC chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng công tác chuyên môn, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Một số nơi còn lúng túng, thiếu linh hoạt trong việc chỉ đạo xử lý các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

- Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, đặc biệt là các nội dung liên quan đến việc tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự phát huy hiệu quả trên thực tế; phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thân thiện với người dùng là một trong các nguyên nhân dẫn đến hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa cao.

- Chưa có giải pháp hữu hiệu, đổi mới trong phân công nhiệm vụ, tổ chức đánh giá CBCCVC và tổ chức hành chính dựa trên kết quả, sản phẩm cụ thể, có tiêu chí định lượng, khoa học, khách quan. Chưa hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức cũng như hiệu quả thực thi nhiệm vụ công vụ của CBCCVC trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; rà soát, có giải pháp cụ thể, thiết thực tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch CCHC năm 2025 của các bộ, cơ quan, địa phương.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, Ban Chỉ đạo CCHC của các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động năm 2025; tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ CCHC; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền về CCHC. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều

kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030. Tham mưu xây dựng, triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2025, Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2025; triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của các bộ, các tỉnh và Kế hoạch đo lường, xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024, bảo đảm chính xác, khách quan và công bằng.

4. Triển khai đồng bộ nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, trong đó tập trung triển khai phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước bảo đảm khẩn trương để không bị gián đoạn hoặc bỏ sót công việc; tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, gắn với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị, cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo VTVL.

5. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung thể chế, chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy hành chính, cơ chế vận hành, chế độ chính sách đối với đội ngũ CBCCVC đầy đủ, đồng bộ bảo đảm thực hiện mục tiêu hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC sau sắp xếp, tổ chức bộ máy; trong đó tập trung xây dựng trình cấp có thẩm quyền thông qua Luật sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức; xây dựng, ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; xây dựng, tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động bởi việc thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

6. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 theo các Nghị quyết đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, khẩn trương sắp xếp tổ chức, bố trí CBCCVC, xử lý đối với tài sản công sau sắp xếp bảo đảm sớm ổn định để tổ chức đại hội đảng các cấp năm 2025.

7. Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa TTHC ngay từ khâu xây dựng VBQPPL; rà soát, kiến nghị bãi bỏ các TTHC, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn, là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng cường phân cấp trong giải quyết TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tổ chức triển khai

thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại một số địa phương theo kế hoạch. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

8. Tăng cường, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ CBCCVC. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các cơ chế, chính sách mới trong quản lý CBCCVC⁷⁹.

9. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công tại các bộ, ngành, địa phương ngay từ đầu năm. Tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công.

10. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo kế hoạch, lộ trình đã phê duyệt; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất, thông suốt giữa các cơ quan, địa phương phục vụ phân tích, xử lý dữ liệu, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2024. Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCHC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Hải Long

⁷⁹ Tại các văn bản, như: Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050,...

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày tháng năm 2024 của Bộ Nội vụ)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Năm 2024, cải cách hành chính (CCHC) được xác định là một trong những trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó, xác định tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước, trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, công chức, công vụ và thủ tục hành chính (TTHC); tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP¹; với chủ đề điều hành của năm là: **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững”**.

- Thủ tướng Chính phủ đã kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ² (gọi tắt là Ban Chỉ đạo), với thành viên³ là các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong CCHC; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo⁴ làm cơ sở tổ chức các hoạt động của Ban Chỉ đạo một cách thống nhất, hiệu quả; ban hành Kế hoạch hoạt động⁵ năm 2024 với 64 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể, gắn với trách nhiệm triển khai của từng thành viên Ban Chỉ đạo và các bộ, ngành, địa phương.

- Trong năm 2024, Ban Chỉ đạo đã tổ chức 02 Phiên họp trực tuyến với 63 địa phương do Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì, qua đó kịp thời đánh giá tình hình, kết quả triển khai công tác CCHC của cả nước, kịp thời chỉ đạo và quyết định nhiều vấn đề quan trọng cho triển khai CCHC.

- Thực hiện vai trò vai trò cơ quan thường trực CCHC của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã đẩy mạnh công tác theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác CCHC; kịp thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất và trực tiếp giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị có nội dung liên quan đến công tác CCHC, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Đến nay, Văn phòng Ban Chỉ đạo đã tiếp nhận 144 đề xuất, kiến nghị của các bộ, các tỉnh (trong đó có 47 kiến nghị

¹ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

² Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

³ Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 về việc phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, trong đó chỉ có thành viên của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là Thứ trưởng.

⁴ Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024

⁵ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024

được tổng hợp qua công tác theo dõi, kiểm tra, báo cáo CCHC của các bộ, ngành, địa phương và **97** kiến nghị được tiếp nhận trên website caicachhanhchinh.gov.vn), trên cơ sở đó đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, trả lời, giải đáp, tháo gỡ **144/144** đề xuất, kiến nghị, đạt tỷ lệ **100%**.

- Các bộ, ngành, địa phương đã ban hành đã ban hành tổng số **4.673** văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC; trong đó, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành **468** văn bản, các địa phương đã ban hành **4.205** văn bản. Theo kết quả thống kê, trong năm 2024, các bộ, cơ quan ngang bộ đã đề ra **1.049** nhiệm vụ; UBND các tỉnh, thành phố đã đề ra **2.917** nhiệm vụ. Đến nay, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành **1.019/1.049** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **97,14%** so với kế hoạch, cao hơn **2,74%** so với cùng kỳ năm 2023; UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành **2.842/2.917** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **97,43%** so với kế hoạch đề ra, thấp hơn **1,22%** so với cùng kỳ năm 2023.

- Các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền CCHC với nội dung, hình thức đa dạng, phong phú; trong năm 2024, các địa phương đã thực hiện hơn **34.000** phóng sự, tin bài chuyên đề thông tin, tuyên truyền về CCHC; tổ chức hơn **100** hội nghị, tọa đàm và **28** cuộc thi tìm hiểu về CCHC.

- Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tiến hành kiểm tra, làm việc về CCHC tại một số địa phương, gồm: Hải Dương, Đồng Nai, Phú Yên, Hòa Bình, Tiền Giang,... các bộ, ngành đã tiến hành kiểm tra tại **166** cơ quan, đơn vị trực thuộc; qua đó, kịp thời xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **37/139** vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **26,62%**. Các địa phương đã tiến hành kiểm tra tại **761** cơ quan, đơn vị; qua đó, kịp thời xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **1.958/2.056** nhóm vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **95,23%**.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Thể chế được xác định là một trong ba đột phá chiến lược⁶ để xây dựng, phát triển đất nước, đưa đất nước vào kỷ nguyên vươn mình; Quốc hội, Chính phủ xác định điểm nghẽn thể chế là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn” cần khai thông.

- Từ đầu năm 2024 đến nay, Chính phủ tổ chức **11** phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, qua đó kịp thời chỉ đạo, định hướng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xây dựng pháp luật⁷, kịp thời chỉ đạo các bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua **29** luật, tăng **13** Luật so với năm 2023; các bộ, ngành đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành **155** Nghị định, tăng **65** Nghị định so với năm 2023 và ban hành theo thẩm quyền **496** Thông tư, tương đương số thông tư ban hành trong năm 2023⁸; HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành **4.462** VBQPPL, tăng **1.035** VBQPPL so

⁶ Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định ba đột phá chiến lược gồm: Hoàn thiện đồng bộ thể chế; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

⁷ Nghị quyết số 118/NQ-CP ngày 03/8/2024 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 01/9/2024 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2024.

⁸ Tính đến ngày 30/12/2023.

với năm 2023; HĐND và UBND cấp huyện đã ban hành **1.547** VBQPPL, giảm **551** VBQPPL so với năm 2023, qua đó tiếp tục hoàn thiện thể chế của nền hành chính, kịp thời thích ứng, điều chỉnh hiệu quả các mối quan hệ kinh tế - xã hội.

- Các bộ, ngành, địa phương đã quan tâm, đổi mới công tác tổ chức, theo dõi thi hành pháp luật một cách chủ động, tích cực, bám sát nội dung, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch năm.

- Về kiểm tra, rà soát VBQPPL: Trong năm 2024⁹, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận để kiểm tra theo thẩm quyền đối với **3.040** VBQPPL, trong đó có **247** văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ và **2.793** văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh; kiểm tra và kết luận, kiến nghị xử lý đối với **149** văn bản có quy định trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung, trong đó có **27** văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ và **122** văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh; đến nay, có **26/149** văn bản đã được cơ quan ban hành xử lý. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát, trong năm 2024, các bộ, ngành đã tổng hợp được **1.297** VBQPPL cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc công bố hết hiệu lực), tăng **553** văn bản so với năm 2023, đến nay đã xử lý xong **1.162/1.297** văn bản, đạt tỷ lệ **89,59%**, giảm **2,66%** so với năm 2023; các địa phương đã tổng hợp được **3.849** VBQPPL cần phải xử lý, tăng **1.094** văn bản so với năm 2023, đến nay đã xử lý xong **3.236/3.849** văn bản, đạt tỷ lệ **84,07%**, giảm **2,61%** so với năm 2023.

2. Cải cách TTHC

- Về rà soát, đơn giản hóa quy định TTHC và các điều kiện kinh doanh: Tổng số quy định kinh doanh (QĐKD) được cắt giảm, đơn giản hóa từ đầu năm 2024 đến nay là **356** QĐKD¹⁰ tại **31** VBQPPL¹¹; lũy kế từ năm 2021 đến nay, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **3.131** QĐKD, tại **272** VBQPPL¹² trên tổng số **15.801** QĐKD được cập nhật, công khai trên Cổng Tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, đạt **19,8%**, tăng **2,27%** so với năm 2023 (lũy kế đến năm 2023 đạt **17,53%**¹³).

- Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, đến nay, tổng số TTHC nội bộ được các bộ, ngành công bố là **1.848** TTHC.

- Về phân cấp trong giải quyết TTHC: Tổng số TTHC đã được các bộ, ngành phân cấp từ đầu năm 2024 đến nay là **172** TTHC tại **32** VBQPPL¹⁴, tăng **86** TTHC so với năm 2023. Lũy kế từ năm 2022 đến nay, đã có 19/21 bộ, cơ quan thực hiện

⁹ Báo cáo số 524/BC-BTP ngày 19/12/2024 của Bộ Tư pháp về kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách hành chính năm 2025.

¹⁰ Gồm: 309 TTHC, 33 yêu cầu điều kiện, 14 chế độ báo cáo.

¹¹ Gồm: 02 Luật, 06 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

¹² Gồm: 16 Luật, 74 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 176 Thông tư, thông tư liên tịch và 02 văn bản khác.

¹³ Mục tiêu tại Nghị quyết số 68/NQ-CP: Từ năm 2020 - 2025, cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020.

¹⁴ Gồm: 01 Luật, 16 Nghị định và 15 Thông tư.

phân cấp **328/699** TTHC tại **65** VBQPPL¹⁵, đạt **47%**, tăng **25,1%** so với năm 2023.

- Thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư: Tổng số TTHC được đơn giản hóa từ đầu năm 2024 đến nay là **286** TTHC tại **31** VBQPPL¹⁶, tăng **139** TTHC so với năm 2023. Lũy kế đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **867/1.086** TTHC được giao tại 19 Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, đạt **79,83%**, tăng **30,57%** so với năm 2023; có **08** bộ, cơ quan hoàn thành 100%, **09** bộ, cơ quan đạt trên 50%, **02** bộ đạt dưới 50%. Còn **217** TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 15 Nghị định, 10 Thông tư liên tịch, 16 Thông tư.

- Về công bố, công khai TTHC: Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 22/12/2024, các bộ, ngành, địa phương đã rà soát, ban hành **6.724** quyết định công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý¹⁷; tại thời điểm ngày 22/12/2024, cả nước có 6.273 TTHC, trong đó 3.744 TTHC thực hiện tại bộ, cơ quan Trung ương, 1.256 TTHC thực hiện tại địa phương và 1.728 TTHC ngành dọc tại địa phương.

Tính đến ngày 22/12/2024, đã có **4.479** TTHC cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (**2.678** thủ tục của người dân, **2.434** thủ tục của doanh nghiệp); có trên **393,10** triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái và có hơn **60,55** triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Trong năm 2024 kê kết quả giải quyết hồ sơ TTHC có tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn tiếp tục duy trì ở mức cao, bình quân cả nước đạt 98,79%; trong đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các bộ, cơ quan Trung ương đạt 97,76%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt 99,19%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của UBND cấp huyện đạt 98,7%, UBND cấp xã đạt 99,52%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Về xây dựng, hoàn thiện thể chế và chỉ đạo đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW; Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); trình Quốc hội thông qua Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương; **01** Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị của thành phố Hải Phòng; **51** Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã của 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; **02** dự thảo Nghị định của Chính phủ¹⁸.

¹⁵ Gồm: 02 Luật, 28 Nghị định, 03 Quyết định của TTgCP, 32 Thông tư.

¹⁶ Gồm: 10 Nghị định và 21 Thông tư.

¹⁷ Số liệu thống kê từ Cổng dịch vụ công quốc gia.

¹⁸ Trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của UBND phường của thành phố Hà Nội và Nghị định quy định về tổ chức chính quyền đô thị thành phố Đà Nẵng (hiện nay 02 Nghị định đang được lấy ý kiến thành viên Chính phủ).

- Đề chỉ đạo triển khai đồng bộ **02** nhiệm vụ: (i) Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và (ii) tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW¹⁹ trên cơ sở tổ chức lại Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ²⁰.

- Thực hiện Kế hoạch của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW²¹, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, đặc biệt là các cơ quan thuộc diện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo định hướng của Trung ương khẩn trương xây dựng đề án, văn bản quy định liên quan đến sắp xếp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, báo cáo Ban Chỉ đạo Chính phủ cho ý kiến và báo cáo Bộ Chính trị trước ngày 31/12/2024; chủ động, kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

- Đề xuất cơ chế, chính sách vượt trội, đủ mạnh đối với CBCCVC và người lao động làm cơ sở để thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, gắn tình giảm biên chế với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; đến nay đã cơ bản hoàn thành các đề án để báo cáo Chính phủ trình Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Trong năm 2024, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước các cấp²² tại **63** tỉnh, thành phố đã tiếp tục giảm **12** tổ chức chi cục, phòng và tương đương của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm **29** tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện; lũy kế đến nay, đã giảm **13** Sở và tương đương, **2.613** tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương.

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức của bộ, ngành, địa phương²³ theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là **16.149** người (trong đó, bộ, ngành là **217** người, địa phương là **15.932** người).

- Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt đề án VTVL, Bộ Nội vụ đã tổng hợp kết quả phê duyệt VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL), cụ thể là: Tổng số VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính là **840** vị trí; tổng số VTVL trong ĐVLNCL là **559** vị trí; VTVL cán bộ, công chức cấp xã là **17** vị trí.

- Về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã: Triển khai thực hiện Kết luận số 48- KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, Bộ Nội vụ đã chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình

¹⁹ Quyết định số 1403/QĐ-TTg ngày 16/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁰ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 796/QĐ-TTg ngày 05/8/2024 và Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 25/10/2024.

²¹ Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

²² Số liệu thống kê tính đến ngày 30/10/2024.

²³ Số liệu thống kê tính đến ngày 30/10/2024

Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 51/51 Đề án của các địa phương thuộc diện sắp xếp. Kết quả thực hiện đến nay đã thành lập mới Thành phố Huế trực thuộc Trung ương; sắp xếp **38** ĐVHC cấp huyện và **1.178** ĐVHC cấp xã, sau sắp xếp giảm **09** đơn vị cấp huyện và **563** đơn vị cấp xã; đồng thời thành lập mới, nâng cấp **137** đơn vị hành chính đô thị để thúc đẩy tốc độ đô thị hóa, phấn đấu đến năm 2025 có **45%** ĐVHC đô thị theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức viên chức: Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã tham mưu, xây dựng trình Chính phủ ban hành **03** Nghị định, ban hành theo thẩm quyền **04** Thông tư và **04** Văn bản hợp nhất; đang tập trung hoàn thiện **04** dự thảo Nghị định, **01** dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, **02** Thông tư. Qua đó, góp phần đổi mới công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, hợp lý về cơ cấu, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia trong tình hình mới.

- Trong năm 2024, các bộ, ngành và địa phương đã thực hiện tuyển dụng **39.218** công chức, viên chức (CCVC), trong đó có **3.879** công chức và **35.402** viên chức; các bộ, ngành tuyển dụng **3.740** CCVC trong đó có **561** công chức và **3.179** viên chức; các địa phương tuyển dụng **35.541** CCVC, trong đó có **3.318** công chức và **32.223** viên chức; tổ chức tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được **230** người, trong đó có **170** sinh viên xuất sắc và **60** cán bộ khoa học trẻ.

- Năm 2024 cả nước đã đào tạo, bồi dưỡng **642.049** lượt CBCCVC, trong đó bộ, ngành **26.536** lượt người; địa phương **615.513** lượt người.

- Về chính sách tiền lương: Bộ Nội vụ đã tham mưu triển khai thực hiện **4/6** nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công, trong đó, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng - mức tăng cao nhất từ trước đến nay); bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng **10%** tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- Các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường các giải giáp nhằm nâng cao kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ; đẩy mạnh thanh tra công vụ qua đó kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, khuyết điểm trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCC nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBCCVC. Theo đó, các địa phương đã tổ chức **2.792** cuộc thanh tra, kiểm tra thuộc lĩnh vực Nội vụ (trong đó có **326** cuộc thanh tra và **2.466** cuộc kiểm tra).

5. Cải cách tài chính công

- Về thể chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước: Quốc hội đã thông qua (1) Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính; (3) Luật Đầu tư công; (4) Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng

2%,... Chính phủ đã ban hành **23** Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **02** Quyết định và Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành theo thẩm quyền **82** Thông tư trong lĩnh vực quản lý tài chính - ngân sách nhà nước. Theo đó, thể chế, cơ chế, chính sách về quản lý tài chính - ngân sách nhà nước tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, toàn diện, nâng cao tính công khai, minh bạch và nâng cao kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách.

- Trong năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo các bộ ngành, địa phương thực hiện nghiêm công tác quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong quá trình tổ chức thực thi các nhiệm vụ, công vụ. Bộ Tài chính đã thực hiện **67.515** cuộc thanh tra, kiểm tra; tiến hành kiểm tra **661.930** hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan và **1.060** hồ sơ kiểm tra sau thông quan; kiến nghị xử lý tài chính **109.146** tỷ đồng (trong đó: Kiến nghị thu hồi nộp **18.224** tỷ đồng; kiến nghị xử lý tài chính khác **90.922** tỷ đồng); xử phạt vi phạm hành chính **3.464** tỷ đồng; số tiền đã thu nộp NSNN trong kỳ **13.288** tỷ đồng.

- Về giải ngân vốn đầu tư công: Tính đến hết tháng 11/2024 đạt **60,43%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (thấp hơn cùng kỳ năm 2023, đạt 65,1%); trong đó Chương trình phục hồi và phát triển KTXH là **5.410,25** tỷ đồng (đạt **87,03%** kế hoạch), CTMTQG là **17.362,1** tỷ đồng (đạt **63,78%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

- Về đổi mới đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 18/6/2024 về việc đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công; Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thoái vốn nhà nước tại 05 doanh nghiệp (F1) với tổng giá trị phần vốn nhà nước là 145 tỷ đồng, thu về 157 tỷ đồng; các Tập đoàn, Tổng công ty, DNNN đã thoái vốn tại 03 doanh nghiệp (F2) với giá trị 40,9 tỷ đồng, thu về 182 tỷ đồng. Đến nay, đã có 117 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Về hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Trong năm 2024, Quốc hội đã ban hành **02** Luật, Chính phủ ban hành **06** Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành **02** Quyết định và **01** Chỉ thị.

- Đến nay, nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã thiết lập được **388** điểm kết nối giữa các hệ thống và cơ sở dữ liệu của **95** cơ quan, đơn vị, hàng ngày có khoảng **2,29** triệu giao dịch. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với **18** cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, cơ quan, tăng **03** đầu mối so với năm 2023. Theo Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2024 (E-Government Development Index - EGDI) của Liên hợp quốc, Việt Nam được xếp hạng ở vị trí thứ **71** trong tổng số **193** quốc gia, tăng **15** bậc so với năm 2022; lần đầu tiên được xếp vào nhóm EGDI ở mức Rất Cao và đạt vị trí xếp hạng cao nhất kể từ khi bắt đầu tham gia đánh giá EGDI của Liên hợp quốc năm 2003.

- Từ ngày 01/01/2024 đến 20/12/2024 số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia là trên **12,2** triệu văn bản, tăng hơn **4** triệu văn bản so với năm 2023 (năm 2023 có hơn **8,2** triệu văn bản gửi, nhận trên Trục); lũy kế đến nay đã có hơn **46,5** triệu văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia, tăng hơn **18,3** triệu văn bản so với năm 2023. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet) tiếp tục phát huy hiệu quả, tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ **111** hội nghị, phiên họp của Chính phủ, tăng **25** phiên họp so với năm 2023; thực hiện xử lý **2.685** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, tăng **685** phiếu so với năm 2023, thay thế hơn **932** nghìn hồ sơ, tài liệu giấy, tăng **278** nghìn hồ sơ, tài liệu so với năm 2023.

- Về xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ²⁴, tại thời điểm đánh giá ngày 27/11/2024):

+ Chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành, đạt 69,38% (1.158.760/1.670.220 hồ sơ); địa phương đạt 49,39% (1.133.105/2.301.204 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 43,27% (164/379 TTHC); địa phương đạt 51,37% (748/1.456 TTHC). Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt 20,05% (42.046/209.672 hồ sơ); địa phương đạt 42,42% (932.863/2.199.010 hồ sơ).

+ Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt 71,56% (1.195.206/1.670.224 hồ sơ); địa phương đạt 60,28% (1.387.165 /2.301.204 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 71,56% (1.275.745 kết quả giải quyết TTHC/1.670.224 kết quả cần cấp); địa phương đạt 59,26% (1.363.693 kết quả giải quyết TTHC/2.301.204 kết quả cần cấp). Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 2,15% (35.973/1.673.162 hồ sơ); địa phương đạt 25,03% (594.167/2.373.819 hồ sơ).

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa quyết liệt, chưa quan tâm đúng mức tới cải cách hành chính; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có nơi, có lúc

²⁴ Báo cáo số 8967/BC-VPCP ngày 05/12/2024 của Văn phòng Chính phủ về tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 11 năm 2024.

còn chậm, hiệu quả chưa cao. Trách nhiệm thực thi công vụ của CBCCVC ở một số nơi còn thấp, động lực làm việc không cao, tinh thần cải cách chưa mạnh mẽ.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ²⁵, chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp thực tiễn, chậm sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ, dẫn đến khó khăn cho tổ chức thực hiện. Vẫn còn tình trạng VBQPPL của các bộ, cơ quan ngang bộ, HĐND và UBND cấp tỉnh có quy định trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung.

- Cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC vẫn chưa đạt như kỳ vọng, người dân, doanh nghiệp vẫn mong muốn TTHC được đơn giản, thuận tiện hơn; việc thực hiện cung cấp DVCTT một số nơi còn hình thức, chưa thực chất, hiệu quả chưa cao (tỷ lệ người dân tự thực hiện DVCTT không cần sự hỗ trợ trực tiếp của công chức không cao); việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC ở một số bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, chưa bám sát quy định, hướng dẫn tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP, chưa đạt tỷ lệ số hóa mà Chính phủ, bộ ngành, địa phương đề ra, tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa thấp.

- Tình trạng chậm muộn, trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp vẫn xảy ra ở hầu hết các bộ, ngành, địa phương (tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội).

- Việc đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý điều hành và giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp của các bộ, ngành, địa phương chưa thực sự thông suốt.

- Đánh giá CBCCVC vẫn còn tình trạng nể nang, thiếu tiêu chí định lượng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo VTVL.

2. Nguyên nhân

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC ở một số nơi còn chưa quyết liệt, thiếu sáng tạo, chậm đổi mới; người đứng đầu ở một số bộ, cơ quan, địa phương chưa trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC thuộc phạm vi quản lý, dẫn đến hiệu quả chưa cao.

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tham mưu thực hiện CCHC một số nơi còn hạn chế, chưa đồng đều, một số chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; một số địa phương có sự thay đổi nhân sự tham mưu thực hiện công tác CCHC theo đó chưa bắt nhịp được với yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của một số CBCCVC chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng công tác chuyên môn, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Một số nơi còn lúng túng, thiếu linh hoạt trong việc chỉ đạo xử lý các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

- Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, đặc biệt là các nội dung liên quan đến việc tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự phát huy hiệu quả trên thực tế; phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thân

²⁵ Báo cáo số 135/BC-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ Kết quả thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

thiện với người dùng là một trong các nguyên nhân dẫn đến hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa cao.

- Chưa có giải pháp hữu hiệu, đổi mới trong phân công nhiệm vụ, tổ chức đánh giá CBCCVC và tổ chức hành chính dựa trên kết quả, sản phẩm cụ thể, có tiêu chí định lượng, khoa học, khách quan. Chưa hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức cũng như hiệu quả thực thi nhiệm vụ công vụ của CBCCVC trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; rà soát, có giải pháp cụ thể, thiết thực tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch CCHC năm 2025 của các bộ, cơ quan, địa phương.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, Ban Chỉ đạo CCHC của các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động năm 2025; tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ CCHC; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền về CCHC. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030. Tham mưu xây dựng, triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2025, Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2025; triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của các bộ, các tỉnh và Kế hoạch đo lường, xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024, bảo đảm chính xác, khách quan và công bằng.

4. Triển khai đồng bộ nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, trong đó tập trung triển khai phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước bảo đảm khả năng trương để không bị gián đoạn hoặc bỏ sót công việc; tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, gắn với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị, cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo VTVL.

5. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung thể chế, chính sách liên quan đến tổ

chức bộ máy hành chính, cơ chế vận hành, chế độ chính sách đối với đội ngũ CBCCVC đầy đủ, đồng bộ bảo đảm thực hiện mục tiêu hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC sau sắp xếp, tổ chức bộ máy; trong đó tập trung xây dựng trình cấp có thẩm quyền thông qua Luật sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức; xây dựng, ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; xây dựng, tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động bởi việc thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

6. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 theo các Nghị quyết đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, khẩn trương sắp xếp tổ chức, bố trí CBCCVC, xử lý đối với tài sản công sau sắp xếp bảo đảm sớm ổn định để tổ chức đại hội đảng các cấp năm 2025.

7. Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa TTHC ngay từ khâu xây dựng VBQPPL; rà soát, kiến nghị bãi bỏ các TTHC, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn, là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng cường phân cấp trong giải quyết TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại một số địa phương theo kế hoạch. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

8. Tăng cường, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ CBCCVC. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các cơ chế, chính sách mới trong quản lý CBCCVC²⁶.

9. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công tại các bộ, ngành, địa phương ngay từ đầu năm. Tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công.

10. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo kế hoạch, lộ trình đã phê duyệt; phát triển

²⁶ Tại các văn bản, như: Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050,...

hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất, thông suốt giữa các cơ quan, địa phương phục vụ phân tích, xử lý dữ liệu, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Hải Long